

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2022

V/v: *không công nhận là vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021, về việc *không công nhận là vợ chồng*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST – HNGĐ ngày 20/01/2022 và thông báo thay đổi thời gian địa điểm mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Th H, xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Tống Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Th H, xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh H, chị T. Anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, bản tự khai ngày 19/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tống Thị T về chung sống với nhau và sau đó có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 10/6/2000, nhưng do không hiểu biết nên anh và chị T không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau chỉ được một thời gian thì anh và chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị T không hợp nhau về tính tình cũng như quan điểm sống, anh và chị T thường xuyên cãi vã nhau, gây áp lực cho nhau. Anh và chị T

chung sống với nhau nhưng không có tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định không còn tình cảm gì với chị T, nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh H khai anh và chị T có 03 con chung: Cháu là Dương Văn Q, sinh ngày 02/9/1998; cháu Dương Thị Q1, sinh ngày 24/12/2001 và cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008. Hiện nay cháu Q và cháu Q1 đã trưởng thành việc các cháu ở với ai là tùy các cháu. Đối với cháu Dương Văn Q2 anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho chị Tổng Thị T, nhưng tất cả các lần triệu tập chị T đều không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa để trình bày quan điểm.

Ngày 24/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa phối hợp với chính quyền địa phương xã Th1 H đến tại gia đình chị Tổng Thị T làm việc với chị T. Tại biên bản làm việc, chị T cũng trình bày quan điểm, chị T thừa nhận chị và anh H chung sống với nhau chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh H có đơn không công nhận vợ chồng, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn Q2, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đối với cháu Dương Văn Q và cháu Dương Thị Q1 đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh H, chị T. Anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng. Về con chung anh đề nghị Tòa án giao cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với cháu Dương Văn Q và cháu Dương Thị Q1 đã trưởng thành anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14, Khoản 2, Điều 53; Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn H và chị Tổng Thị T.

2. Về con chung: Đề nghị giao cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008 cho chị Tổng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tổ tụng: Anh Dương Văn H khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Tổng Thị T, chị T có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Th H, xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Dương Văn H đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Tổng Thị T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điều b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Dương Văn H và chị Tổng Thị T chung sống với nhau như vợ chồng và đến ngày 10/6/2000 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 24/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã xác minh tại UBND xã và việc này được chính quyền địa phương nơi cư trú của anh H, chị T xác nhận anh Dương Văn H và Chị Tổng Thị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh H và chị T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh H có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị T, cần áp dụng các quy định Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn H và chị Tổng Thị T.

[3]. Về con chung: Anh Dương Văn H và chị Tổng Thị T đều thừa nhận anh chị có 03 con chung là Cháu là Dương Văn Q, sinh ngày 02/9/1998; cháu Dương Thị Q1, sinh ngày 24/12/2001 và cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008. Anh H đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Q, cháu Q1 và cháu Q2 có ghi họ tên bố là anh Dương Văn H, mẹ là chị Tổng Thị T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Q, Q1 và cháu Q2 là con chung của anh H, chị T. Song hiện nay các cháu Dương Văn Q và cháu Dương Thị Q1 đã trưởng thành anh H, chị T không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Dương Văn Q2 chưa đủ 18 tuổi nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q2, chị T yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của người làm cha mẹ, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/12/2021 cháu Dương Văn Q2 trình bày nguyện vọng được ở với

mẹ. Mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt anh H trình bày anh đề nghị Tòa án giao cháu Dương Văn Q2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Như vậy căn cứ vào nguyện vọng của các bên và của con, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008 cho chị Tổng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Anh H không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228, điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn H và chị Tổng Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Dương Văn Q2, sinh ngày 06/8/2008 cho chị Tổng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Q2 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu Dương Văn Q2 đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005721 ngày 19/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Anh Dương Văn H phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

